

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÁO DỤC QUỐC TẾ TUỆ MINH PHƯƠNG

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÁO DỤC QUỐC TẾ TUỆ MINH PHƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TUE MINH PHUONG INTERNATIONAL EDUCATION GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110871948

3. Ngày thành lập: 24/10/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

CL17LK30 Khu Đồng Đế, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0828822992

Fax:

Email: Tueminhphuonggroup@gmail.com Website: om

5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4651     |
| 2.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4652     |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4653     |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                             | 8299     |
| 6.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy máy tính                                                                                                                                                                                                       | 8559     |
| 7.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(không bao gồm tư vấn tài chính, tư vấn pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7020     |
| 8.  | Quảng cáo<br>(Trừ quảng cáo thuốc lá và hoạt động Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7310     |

|     |                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động phiên dịch                                                                     | 7490        |
| 10. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                        | 7710        |
| 11. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                             | 4620        |
| 12. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                  | 4661        |
| 13. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)                                                                                          | 4662        |
| 14. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                | 8531        |
| 15. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                             | 8532        |
| 16. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                              | 8533        |
| 17. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                         | 2392        |
| 18. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                | 7730        |
| 19. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm | 7810        |
| 20. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                    | 7820        |
| 21. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>(Trừ hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài)                                                            | 7830        |
| 22. | Đại lý du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch                                                                  | 7911        |
| 23. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                         | 7912        |
| 24. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                           | 7990        |
| 25. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh       | 4759        |
| 26. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>+ Tư vấn du học<br>+ Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục                                                                      | 8560(Chính) |
| 27. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                                                                        | 5210        |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>+ Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa                                                                          | 5229        |
| 29. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                       | 4663        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 30. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                              | 4741 |
| 31. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                | 4752 |
| 32. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                       | 4530 |
| 33. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649 |

6. **Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ  
Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 180.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN THỊ THÙY NHUNG | Thôn Bình Minh, Xã Đình Chu, Huyện Lập Thạch, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 81.000     | 810.000.000           | 45,000    | 026192001472                                                                                |         |
|     |                     |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                        | Tổng số                   | 81.000     | 810.000.000           | 45,000    |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                        |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                   |                                                                              |                           |        |             |        |              |  |
|---|-------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|--|
| 2 | TRỊNH BÁ LẬP      | Thôn Trung Hoàng, Xã Thanh Bình, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 90.000 | 900.000.000 | 50,000 | 001075004536 |  |
|   |                   |                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                   |                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                   |                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                   |                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                   |                                                                              | Tổng số                   | 90.000 | 900.000.000 | 50,000 |              |  |
|   |                   |                                                                              |                           |        |             |        |              |  |
| 3 | PHÙNG THỊ MỸ LINH | Thôn Hòa Bình, Xã Hữu Văn, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | Tổng số                   | 9.000  | 90.000.000  | 5,000  | 001198033931 |  |
|   |                   |                                                                              | Cổ phần phổ thông         | 9.000  | 90.000.000  | 5,000  |              |  |
|   |                   |                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                   |                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                   |                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                   |                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                   |                                                                              |                           |        |             |        |              |  |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THỊ THÙY NHUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 27/09/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026192001472

Ngày cấp: 09/05/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Bình Minh, Xã Đình Chu, Huyện Lập Thạch, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Bình Minh, Xã Đình Chu, Huyện Lập Thạch, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội